

Số: 26/BC-MNHA

Hùng An, ngày 17 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09 NGÀY 03/06/2024 CỦA BỘ
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025 -2026

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Hùng An

2. Địa chỉ trụ sở chính: Trường đặt trên địa bàn thôn Tân An, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang;

Số điện thoại: 0833731138

Địa chỉ trang tin điện tử: Email: c0hungan.bacquang@hagiang.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập, loại 1, trường trực thuộc UBND xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Tạo dựng một môi trường giáo dục, học tập thân thiện, có nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, biết sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, để mỗi trẻ đều được trải nghiệm có cơ hội phát triển về tư duy và năng lực một cách toàn diện.

- Trường Mầm non Hùng An trở thành một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín, có chất lượng về chăm sóc, giáo dục trẻ. Nơi khởi đầu tình yêu thương, chất lượng, tin cậy. Giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 438/UB-QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1989 của UBND huyện Bắc Quang, Thực hiện Quyết định 1810/QĐ-UBND ngày 06/6/2028 của UBND huyện Bắc Quang về việc phê duyệt đề án sáp nhập một số đơn vị trường trực thuộc UBND huyện. Đến tháng 9 năm 2018 được sáp nhập từ 3 trường MN trên địa bàn xã (MN Hùng An cũ, MN Hòa Mi, MN Tân Hùng) theo Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Hùng An về Quyết định thành lập trường mầm non Hùng An thuộc ủy ban nhân dân xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang;

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Nguyễn Thị Bình, chức vụ, Hiệu trưởng trường mầm non Hùng An;

Số điện thoại 0833731138

Địa chỉ thư điện tử; nguyenthibinh.bacquang@hagiang.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- QĐ bổ nhiệm Hiệu trưởng: Số 80/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng:

+ Vũ Thị Hương: Quyết định Số 81/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

+ Phan Thị Du: Quyết định Số 82/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ theo điều lệ trường mầm non quy định: Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

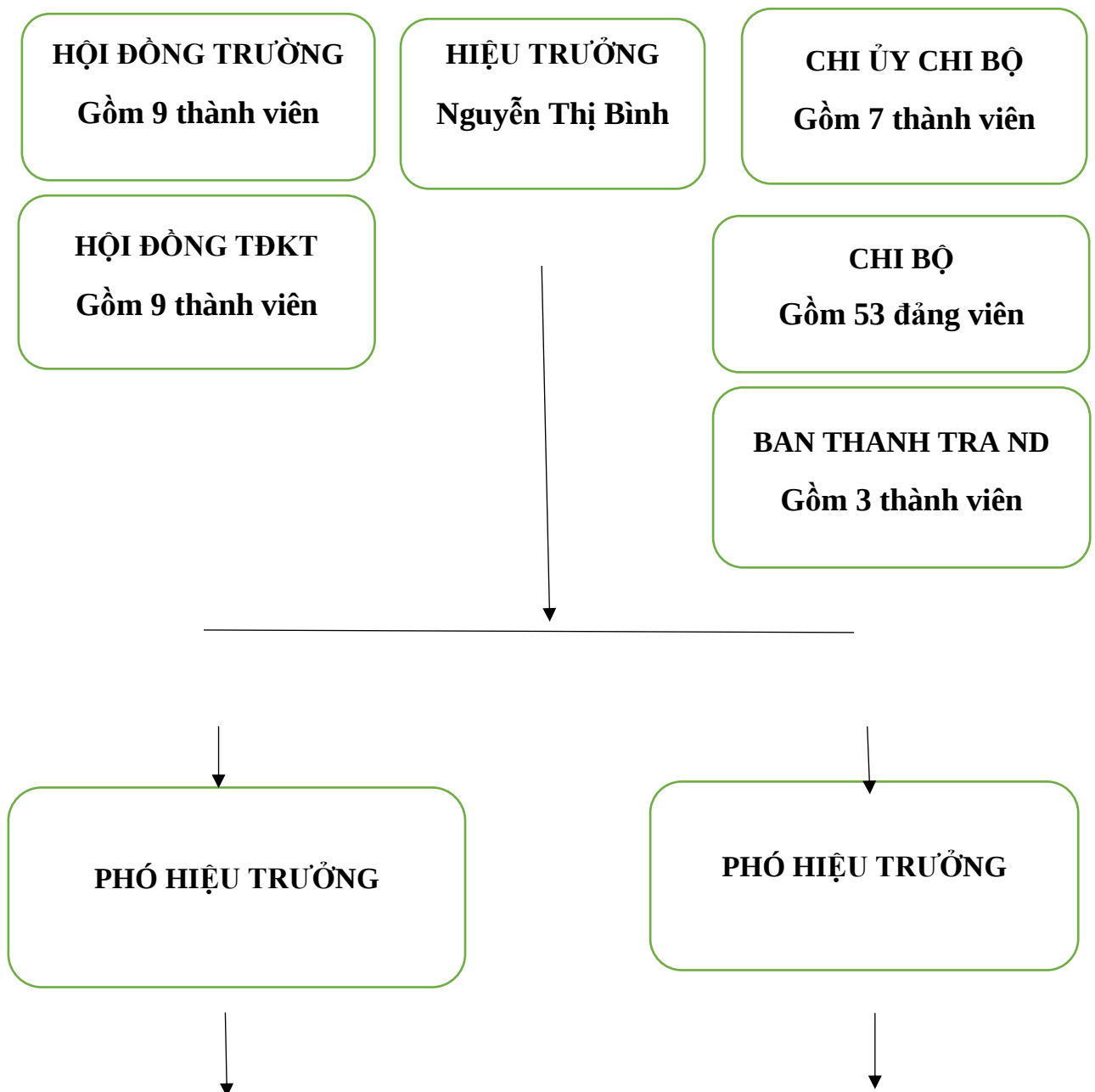
Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật. Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.

Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Sơ đồ, tổ chức bộ máy của cơ sở



TỔ TRƯỞNG**5 Tuổi****Nguyễn Thị Lan****TỔ TRƯỞNG****Tổ 3-4 Tuổi****Vũ Anh Ngọc****TỔ TRƯỞNG****Nhà trẻ****Nguyễn Thị Ngân****TỔ TRƯỞNG****Tổ văn phòng****Phạm Khánh Dư**

8. Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới trung cấp
	Tổng số VCQL, giáo viên, nhân viên	57	42	10	1	4
I	VCQL	3				
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	48	38	10		
1	Nhà trẻ	16	12	4		
2	Mẫu giáo	32	26	6		
III	Nhân viên	6	1		1	4
1	Nhân viên y tế	1			1	
2	Nhân viên hành chính, phục vụ	2				2
3	Nhân viên bảo vệ	2				2

2. Số lượng, tỷ lệ VCQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1	VCQL	3/3	0/3		
	Tỷ lệ	100%	0%		
2	Giáo viên	32/52	20/52		
	Tỷ lệ	61,5%	38,5%		

2. Số lượng, tỷ lệ VCQL, giáo viên đánh giá xếp loại viên chức cuối năm

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024
-----	----------	--------------------

		xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
1	VCQL	2/3	1/3		
	Tỷ lệ	66,7%	33,3%		
2	Giáo viên	9/55	45/55		
	Tỷ lệ	17%	83%		

4. Số lượng tỷ lệ VCQL, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	VCQL	3	100%
2	Giáo viên	48	100%
3	Nhân viên	6	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng có 22 phòng học; Kiên cố 15/22 đạt 68%; Bán kiên cố 8/22 đạt 32%

* Điểm trường chính

+ 02 nhà xây 2 tầng: 9 phòng học kiên cố

+ 01 nhà cấp 4: Bếp ăn và phòng ăn

* Điểm Kim Bàn: 01 nhà xây 2 tầng: 04 phòng học

* Điểm An Bình: 02 nhà cấp 4: 03 phòng học;

* Điểm Tân Hùng: 01 nhà cấp 4: 04 phòng học; 1 nhà lưu trú 01 phòng học

- Bàn ghế có 250 bộ

+ Phòng học chức năng: 02 phòng (01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục âm nhạc).

+ Hệ thống phòng hiệu bộ: 07 phòng (03 phòng Ban giám hiệu, 01 văn phòng trường, 01 hội trường, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ).

+ Khối phòng phụ trợ: 05 công trình nước sạch; 01 nhà để xe của cán bộ, giáo viên; 07 công trình vệ sinh (trong đó 01 công trình vệ sinh cho CBGV, 06 công trình vệ sinh cho học sinh).

- Về trang thiết bị, đồ dùng dạy học: Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã chủ động rà soát để mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với thực tiễn của đơn vị, khai thác và sử dụng hiệu quả những đồ dùng, thiết bị hiện có. Xây dựng cảnh quan môi trường, khuôn viên lớp học luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

STT	Nội dung	Năm 2025 - 2026	Yêu cầu theo quy định
	Tổng diện tích toàn trường	7.379,1m ²	12m ² /1 trẻ /558 trẻ
1	Diện tích đất Trường chính	2.695,7m ²	

1.1	Diện tích Điểm Kim Bàn	1.918,4m ²	
1.2	Diện tích đất điểm An Bình	114,0m ²	
1.3	Diện tích đất điểm Tân Hùng	1.851,0m ²	
1.4	Diện tích đất điểm Hùng Thắng	800,0m ²	Xóa điểm
2	Số lượng hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ		
	Phòng học	22	
	Phòng vệ sinh	6	
	Phòng ngủ	0	
	Phòng khác	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập		
	Thư viện	0	
	Phòng thể chất	01	
	Phòng đa năng	0	
	Phòng khác	01	
2.3	Phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	01	
	Nhà kho	01	
	Phòng khác		
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	2	
	Văn thư	0	
	Phòng hội đồng	1	
	Phòng bảo vệ	1	
	Phòng y tế	1	
	Phòng nhân viên	1	
	Phòng khác	1	
2.5	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	1	
	Số lượng thiết bị đồ chơi	5 bộ	
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	11	
	Số lượng đồ dùng phòng đa năng		
5	Tổng số thiết bị giáo dục khác		
	Ti vi	5	
	Máy tính xách tay	5	
	Máy in	6	
	Máy tính để bàn	5	
	Máy chiếu	1	
	Loa di động	2	
	Bàn hội đồng	24	

	Ghế	60	
	Bục tượng Bác	1	
	Bục phát biểu	1	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở

Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Hùng An tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2 trình cấp trên về đánh giá kiểm định mức độ 2 và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào ngày 05/01/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Công tác phát triển số lượng: Công tác huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đảm bảo theo kế hoạch. Công tác phát triển số lượng và duy trì sĩ số học sinh, tỷ lệ huy động trẻ đến trường: Trẻ 0-2 tuổi đạt 66,07%, trẻ từ 3-5 tuổi đạt 92,2%. Trong đó trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%;

- Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: 100% trẻ ra lớp được chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng đúng theo Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non ở các độ tuổi do Bộ giáo dục và đào tạo quy định:

- + Tỷ lệ Bé chăm đạt: 97,5% (Tăng 0,5% so với năm học trước);
- + Tỷ lệ Bé ngoan đạt: 98% (Duy trì kết quả của năm học trước);
- + Tỷ lệ Bé sạch: 100 % (Duy trì kết quả của năm học trước);
- + Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đầu năm: $36/503 = 7,15\%$; cuối năm: giảm còn $15/503 = 2,98\%$, giảm thấp hơn 4,17% so với đầu năm;
- + Tỷ lệ trẻ chuyên cần: Trẻ 5 tuổi đạt 100%, trẻ ở độ tuổi khác đạt 97,5%;
- + Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non: $127/127 = 100\%$;
Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày đạt 100%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi đạt 100%; Tỷ lệ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tổ chức cho trẻ ăn bán trú: $22/22 = 100\%$; Tỷ lệ nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo được học 2 buổi/ngày đạt 100%;

+ 100% trẻ đến trường được đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần, không có trường hợp ngộ độc hay dịch bệnh xảy ra trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh.

- Chất lượng đội ngũ: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ: Viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: $11/57 = 19,29\%$; Viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ: $46/57 = 80,71\%$. Viên chức đủ điều kiện đề nghị các Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

11 người; Viên chức đề nghị công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên 57/57 người = 100%. Viên chức đủ điều kiện đề nghị các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ 01 cá nhân, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang 06 cá nhân.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường và các Nghị quyết của Hội đồng trường. Kết quả kiểm tra toàn diện nhà trường cuối năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Quang Nhà trường được xếp loại Tốt.

- Nhà trường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tới 100% cán bộ giáo viên, nhân viên trong toàn trường. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý: Vn.Edu; quản lý cán bộ công chức, viên chức; thi đua khen thưởng, phổ cập, cơ sở dữ liệu, tuyển sinh,... Sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử Vnpt ioffice, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa nhà trường với giáo viên, với phòng Giáo dục và Đào tạo Bắc Quang, với các cơ quan liên quan..... Ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo qua mạng, dự giờ, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, nhóm trên nền tảng Google Meet, Zoom. 100% viên chức trong nhà trường đã cài đặt VNEID và định danh điện tử mức độ 2, triển khai kịp thời các danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cấp, các ngành tới 100% viên chức trong nhà trường..... tích cực khai thác văn bản trên các trang web của ngành, của huyện để có thêm tư liệu phong phú trong công tác quản lý giáo dục.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Thường xuyên cập nhật các quy định TTHC mới do cấp trên, do Phòng GD&ĐT huyện, Sở GD&ĐT ban hành, thực hiện công khai đầy đủ TTHC theo quy định công khai tại trường.

- Nhà trường đã xây dựng và công khai quy trình, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Phân công VCQL, giáo viên phụ trách, bố trí cơ sở vật chất phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà trường. Đảm bảo thời gian, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Phân công cán bộ và công khai số điện thoại của cán bộ chịu trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính của các bộ phận chức năng trong nhà trường.

- Có giải pháp nâng cao chất lượng hội họp; giảm giấy tờ hành chính không cần thiết; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện việc tiếp dân, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính theo quy định; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc

thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị. Thực hiện tự kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phân công, bố trí viên chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường đến việc đăng ký tài khoản công dân trên cổng dịch vụ công và nộp hồ sơ trực tuyến.

Nội dung chi tiết

STT	Nội dung	Tồn năm trước chuyển sang	Năm 2024 (Thu)	Phản Chi	Tồn
I	Ngân sách		11.824.197.000		200
1	Kinh phí chi thường xuyên		11.432.498.000	11.432.498.000	
2	Kinh phí không thường xuyên		391.699.000	391.698.800	200
II	Xã hội hóa				
1	Học phí	51.764.000	130.614.400	149.367.400	33.011.000
2	Thu theo NQ 33				
2.1	Tiền ăn	0			0
2.2	Thuê cấp dưỡng	24.960.500	308.080.000	325.329.000	7.711.500
2.3	Quản lý học sinh ăn, ở bán trú	0	226.818.000	226.818.000	0
2.4	Mua sắm đồ dùng bán trú	0	48.548.500	48.548.500	0
2.5	Nước uống	1.110.500	11.928.000	13.038.500	0
2.6	Vệ sinh	5.000	39.765.000	39.770.000	0
2.7	Điện vận hành	4.423.651	31.817.000	36.220.555	20.096
3	Vận động tài trợ	50.200	81.950.000	81.903.000	97.200

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa

chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: 100 phần quà quần áo, ba lô, dép cho học sinh nghèo, cận nghèo, vùng III, hỗ trợ kinh phí tổ chức cho các hoạt động lễ hội, tham quan trải nghiệm của trẻ trong năm học.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như Misa, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm tuyển sinh, phần mềm đơn vị học tập, phần mềm CCVC,...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); copilot (công cụ tạo ảnh); runwayml (công cụ tạo video); Gamma, canva (phần mềm biến các slide thuyết trình powerpoint thành bài giảng điện tử), hyyzine (tạo sách điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Hùng An, zalo nhóm lớp), thông qua website./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- Chi Ủy chi bộ;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Bình